



ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ

**Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng và đưa ra các giải pháp
bảo tồn loài Hươu Xạ tại khu rừng đặc dụng Hữu Liên**

(Kèm theo Quyết định số: 963 /QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. SỰ CẦN THIẾT

Đa dạng sinh học (ĐDSH) ngày càng đóng vai trò quan trọng trong định hướng phát triển bền vững kinh tế xã hội gắn với môi trường sinh thái. Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học (ĐDSH) đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã nhận định ĐDSH là nền tảng của kinh tế xanh; bảo tồn ĐDSH là một trong những giải pháp then chốt nhằm thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu; bảo tồn ĐDSH gắn với sử dụng bền vững ĐDSH góp phần giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Lạng Sơn được biết đến là tỉnh có sự đa dạng về điều kiện tự nhiên, các dạng địa hình và các hệ sinh thái. Chính sự đa dạng về hệ sinh thái đã hình thành nên tính ĐDSH cao với nhiều nhóm các loài động vật, thực vật, thủy sinh vật vô cùng phong phú. Theo số liệu thống kê tại Báo cáo tổng hợp Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020 cho thấy, khu hệ động vật trên địa bàn tỉnh có 409 loài, thuộc 88 họ, 24 bộ khác nhau, trong đó có nhiều loài có giá trị đa dạng sinh học cao, loài đặc hữu. Trong số các nhóm loài đặc trưng cho tính ĐDSH ở Lạng Sơn, khu hệ thú được ghi nhận với 61 loài thuộc 21 họ, 7 bộ. Khi so sánh với khu hệ thú trên toàn Việt Nam, khu hệ thú ở Lạng Sơn được đánh giá là có độ đa dạng ở bậc bộ, chiếm khoảng 58,33 % tổng số bộ thú đã biết ở Việt Nam và ở bậc họ chiếm 56,76% tổng số họ thú ở Việt Nam và ở bậc loài chiếm 27,11% (Báo cáo tổng hợp xây dựng kế hoạch hành động ĐDSH tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020). Riêng hệ sinh thái khu rừng đặc dụng Hữu Liên là hệ sinh thái rừng trên núi đá vôi có giá trị cao về đa dạng sinh học với 400 loài động vật. Trong đó có 61 loài động vật quý hiếm được ghi trong sách đỏ Việt Nam năm 2007. Đây là nguồn tài nguyên rất quan trọng cần được lưu giữ, bảo tồn và phát triển.

Trong những năm gần đây, tỉnh Lạng Sơn đã chú trọng trong vấn đề bảo tồn ĐDSH trên địa bàn. Quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về Phê duyệt Quy hoạch rừng đặc dụng tỉnh Lạng Sơn và Quy hoạch bảo tồn phát triển bền vững các khu rừng đặc dụng Mẫu Sơn, Bắc Sơn đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030, đã xác định rõ phạm vi, nhiệm vụ và các nội dung nghiên cứu, nhằm bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn các loài động thực vật trên địa bàn tỉnh.

Khu vực rừng đặc dụng Hữu Liên được ghi nhận là khu vực có diện tích rừng tự nhiên lớn và liên khoảnh, có tiềm năng trong việc duy trì, bảo tồn ĐDSH trong khu vực. Theo kết quả điều tra theo dõi diễn biến rừng năm 2023 của Ban Quản lý rừng đặc dụng Hữu Liên thì tổng diện tích tự nhiên của Ban là 8.012,74 ha. Trong đó diện tích đất có rừng là 7.890,8 ha (rừng tự nhiên núi đất: 80,68 ha

và 7.810,12 ha là rừng tự nhiên núi đá) chiếm 98,4% tổng diện tích rừng tự nhiên trong khu vực Ban quản lý. Qua đó, có thể thấy rằng diện tích rừng tự nhiên hiện có là rất lớn, rất có tiềm năng cho việc bảo tồn các loài động vật nói chung và loài Hươu xạ nói riêng. Chính vì thế, việc triển khai nhiệm vụ nghiên cứu nhằm làm rõ tính ĐDSH tạo cơ sở, căn cứ để xây dựng các giải pháp bảo tồn loài là điều hết sức cần thiết. Nghiên cứu đánh giá hiện trạng và đưa ra các giải pháp bảo tồn loài Hươu xạ tại khu rừng đặc dụng Hữu Liên sẽ bổ sung thông tin về đa dạng các loài động vật ở địa phương, mặt khác là cơ sở để đề xuất các giải pháp bảo tồn ĐDSH trong tương lai.

Để đánh giá và xác định được hiện trạng loài Hươu Xạ tại khu rừng đặc dụng Hữu Liên việc **“Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng và đưa ra các giải pháp bảo tồn loài Hươu xạ tại khu rừng đặc dụng Hữu Liên”**, là cần thiết.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13/11/2008;
- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 15/11/2017;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020.
- Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;
- Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;
- Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành định mức lao động, điều tra quy hoạch rừng;

- Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

- Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018;

- Quyết định số 2447/QĐ-UBND, ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch rừng đặc dụng tỉnh Lạng Sơn và Quy hoạch bảo tồn phát triển bền vững các khu rừng đặc dụng Mẫu Sơn, Bắc Sơn đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030;

- Quyết định số 234/QĐ- UBND, ngày 07/02/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020- 2030;

- Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt phương án quản lý bền vững Rừng đặc dụng Hữu Liên, giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2024;

- Quyết định số 41/QĐ-SNN ngày 16/02/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2024.

III. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Điều tra xác định được hiện trạng quần thể, tình trạng bảo tồn và phân bố loài Hươu xạ trong khu vực rừng đặc dụng Hữu Liên, trên cơ sở đó đề xuất được một số giải pháp khả thi nhằm bảo tồn đi đôi với phát triển loài Hươu xạ trong tương lai.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Xác định và đưa ra được bản đồ khu vực phân bố của loài Hươu xạ.
- Xác định được tình trạng bảo tồn loài Hươu xạ trong khu vực nghiên cứu.
- Xác định và đánh giá được các mối đe dọa đối với loài, làm cơ sở đề xuất các giải pháp nhằm quản lý và bảo tồn loài trong tương lai.

2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

2.1. Nội dung

2.1.1. Điều tra, đánh giá tình trạng quần thể

- Xác định và mô tả sơ bộ về cấu trúc đàn, số lượng cá thể mỗi đàn trong khu vực nghiên cứu, mô tả cơ bản về đặc điểm hình thái, tình trạng bảo tồn của loài;

2.1.2. Mô tả, đánh giá sinh cảnh sống của loài

- Xác định và mô tả các đặc điểm về sinh cảnh khu vực phân bố của loài (cấu trúc rừng, thành phần loài chủ yếu, vị trí, độ cao...);

- Xây dựng bản đồ phân bố loài Hươu xạ.

- Xây dựng bản đồ phân vùng tiềm năng các khu vực bảo tồn loài

2.1.3. Xác định và đánh giá những mối đe dọa đối với ĐDSH khu hệ loài tại địa điểm nghiên cứu.

- Xác định, phân tích và đánh giá các mối đe dọa tới tiềm năng phát triển, bảo tồn loài Hươu xạ tại địa điểm nghiên cứu;

- Phân tích, đánh giá các chương trình và giải pháp bảo tồn hiện có ở địa phương và khu vực.

- Đề xuất các giải pháp bảo tồn ĐDSH trong thời gian tới.

2.1.4. Thu thập các thông tin cơ bản về kinh tế xã hội ở địa phương

- Số liệu cơ bản về hiện trạng dân số, lao động, thành phần dân tộc... trên địa bàn.

- Thực trạng phát triển kinh tế ở địa phương, bao gồm các ngành kinh tế chủ yếu như:

+ Nông nghiệp: bao gồm các lĩnh vực về trồng trọt (diện tích/người; cây trồng chính, năng suất, thu nhập); Chăn nuôi (các loài gia súc, gia cầm chủ yếu, năng suất và thu nhập...).

+ Du lịch, dịch vụ: bao gồm các thông tin về các loại hình dịch vụ chính trong khu vực, đánh giá các tác động (tích cực, tiêu cực) đến cảnh quan và môi trường và sinh thái trong khu vực;

+ Hiện trạng các hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn (các tác động đến hiện trạng rừng, cảnh quan và ĐDSH);

- Hiện trạng cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông, điện, nước sạch, y tế, giáo dục, văn hoá...

- Thông tin cơ bản về cơ chế chính sách phát triển lâm nghiệp nói chung đang được áp dụng triển khai trên địa bàn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Kế thừa tài liệu

Tham khảo, tổng hợp và phân tích các tài liệu liên quan đến nội dung nghiên cứu. Các tài liệu được tham khảo bao gồm: Những nghiên cứu trước đây

về ĐDSH trong khu vực, khu hệ thú; các báo cáo và các bài báo có liên quan thông qua đó cho phép kế thừa, phát triển các phương pháp nghiên cứu trước đây để vận dụng vào nội dung nghiên cứu, đồng thời chọn lọc những thông tin ban đầu tạo cơ sở cho các cuộc điều tra, khảo sát.

2.2.2. Phỏng vấn

- *Đối tượng phỏng vấn*: các cán bộ kỹ thuật trong ban quản lý, kiểm lâm địa bàn, cán bộ tuần tra rừng ở địa phương và người dân địa phương trong khu vực trên địa bàn 5 xã của 03 huyện, tỉnh Lạng Sơn thuộc ban quản lý rừng đặc dụng. Bên cạnh đó, đối tượng phỏng vấn cũng bao gồm những người đã từng khai thác gỗ hoặc thợ săn trên địa bàn nghiên cứu. Tuy nhiên, các thông tin phỏng vấn chỉ mang tính chất tham khảo và nó chỉ được khẳng định thông qua quá trình điều tra, khảo sát thực địa.

- *Cách thức*: Phỏng vấn được tiến hành trước, trong và sau quá trình nghiên cứu thực địa. Các cuộc phỏng vấn được thực hiện với những câu hỏi mở, các thông tin có độ tin cậy cao mới được sử dụng trong kết quả nghiên cứu. Trong quá trình phỏng vấn, một số tài liệu có hình ảnh được sử dụng nhằm xác nhận thông tin được cung cấp. Người phỏng vấn thận trọng trong việc đặt những câu hỏi, không đặt các câu hỏi có tính gợi ý cho người được phỏng vấn. Khi người phỏng vấn hài lòng với việc mô tả về một loài, thì những bức ảnh về loài đó mới được đưa ra cùng với những bức ảnh của các loài trong tương tự. Việc phỏng vấn này có thể lặp lại ở 1 thời gian khác để kiểm tra tích xác thực. Điều này cho phép việc định loài được chính xác hơn, hoặc ngược lại.

2.2.3. Điều tra, khảo sát thực địa

Các cuộc khảo sát thực địa được tiến hành tại khu vực rừng đặc dụng Hữu Liên, tập trung vào các xã và các vị trí đang có thông tin ghi nhận về sự xuất hiện của loài Hươu xạ.

Trong quá trình điều tra, các điều tra viên tiến hành các cuộc khảo sát đi bộ trong rừng theo các lối mòn hoặc cắt tuyến mới cùng các trợ lý là người địa phương. Các cuộc khảo sát vào ban ngày bắt đầu vào khoảng 6h00 và kết thúc vào lúc chiều tối (khoảng 18h30) tùy vào tình hình thực tế.

2.2.3.1. Điều tra theo tuyến để xác định tình trạng và đặc điểm khu hệ Hươu xạ

Nguyên tắc lập tuyến

Các tuyến điều tra phải được thiết lập phân bố rộng khắp các vùng điều tra và càng đi qua càng nhiều dạng sinh cảnh càng tốt. Tuyến điều tra có thể lập mới hoặc có sẵn. Có thể chọn các đường mòn nhỏ làm tuyến điều tra. Ở đây, chúng tôi sử dụng hệ thống tuyến điều tra đã được lập sẵn (sử dụng trong quản lý bảo vệ rừng) ở khu vực nghiên cứu. Số lượng tuyến điều tra là 15 tuyến và sẽ được xác lập tại khu vực nghiên cứu trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát hiện trạng rừng, bản đồ địa hình và thảo luận với các trợ lý hoặc người dẫn

đường có nhiều kinh nghiệm. Chiều dài mỗi tuyến có trung bình khoảng 6,0 km tùy theo địa hình.

Nguyên tắc điều tra trên tuyến

Trong quá trình điều tra trên tuyến yêu cầu phải cẩn thận, nhẹ nhàng, không gây ra tiếng ồn, không nói chuyện riêng, hút thuốc lá, hoặc làm các hoạt động khác. Tốc độ di chuyển trên mỗi tuyến khoảng 1,5 – 2,5 km/giờ tùy thuộc địa hình. Chú ý quan sát cả 2 bên tuyến, các vị trí trên mặt đất, tập trung nghe những âm thanh phát ra như tiếng di chuyển, tiếng kêu, âm thanh cảnh báo... bởi đó có thể là những khu vực xuất hiện loài.

Trong quá trình khảo sát, các con vật bắt gặp sẽ được quan sát bằng mắt thường, ống nhòm, xác định vị trí bằng GPS, bản đồ và chụp ảnh (nếu có thể). Việc định loại các loài quan sát được có thể được thực hiện ngay tại hiện trường hoặc tại lán tùy thuộc vào kinh nghiệm của mỗi điều tra viên. Thông tin ghi nhận được tổng hợp và ghi chép vào mẫu biểu 01.

Mẫu biểu 01: Điều tra đa dạng loài Hươu xạ

Người điều tra Ngày điều tra
 Thời gian bắt đầu Thời gian kết thúc
 Tuyến điều tra Chiều dài tuyến
 Dạng sinh cảnh Thời tiết

TT	Thời gian	Tọa độ bắt gặp	Số lượng bắt gặp	Ghi chú

2.2.3.2. Điều tra theo tuyến, xác định và đánh giá các mối đe dọa, tác động

Trên các tuyến điều tra xác định loài Hươu xạ đã được xác lập đồng thời quan sát và ghi lại toàn bộ các tác động, hoạt động của con người, gia súc trong phạm vi khu vực điều tra. Xác định tọa độ, vị trí khi bắt gặp các tác động, chụp ảnh, quay phim (nếu có thể). Tổng hợp các thông tin thu thập và ghi vào mẫu biểu 02.

Biểu 02: Tổng hợp các tác động của con người tại khu vực nghiên cứu

Người điều tra Ngày điều tra
 Thời gian bắt đầu Thời gian kết thúc
 Tuyến điều tra Chiều dài tuyến
 Dạng sinh cảnh Thời tiết

<u>Hoạt động/tác động/thông tin ghi nhận</u>				
<u>1.</u> Săn bắt <u>2.</u> Bẫy <u>3.</u> Phát cây trồng thảo dược <u>4.</u> Lều/Lán/Trại (sử dụng để săn bắn, khai thác trong rừng) <u>5.</u> Nương rẫy (phát cây, đốt)			<u>6.</u> Khai thác gỗ <u>7.</u> Vào rừng lấy củi <u>8.</u> Khai thác, thu hái LSNG <u>9.</u> Chăn thả gia súc <u>10.</u> Chó săn <u>11.</u> Khai thác khoáng sản <u>12.</u> Các hoạt động khác	
Thời gian	Hoạt động	Toạ độ	Hiện trạng	Ghi chú

Ghi chú: Hiện trạng – được hiểu là tại thời điểm bắt gặp có đang hoạt động hay chỉ còn dấu tích của thời gian trước.

Việc đánh giá mức độ các mối đe dọa tới các loài thú và sinh cảnh sống tại khu vực nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp của (Margoluis và Salafsky, 2001), trên cơ sở việc xếp hạng và cho điểm từ 1 - đến 5, sau đó sắp xếp giảm dần theo mức độ ảnh hưởng của mối đe dọa theo 3 tiêu chí.

- Diện tích vùng bị ảnh hưởng của mối đe dọa: Là tỉ lệ diện tích bị ảnh hưởng bởi mối đe dọa tại khu vực nghiên cứu - ảnh hưởng đến toàn sinh cảnh hay chỉ ảnh hưởng giới hạn tới một vùng nhỏ. Cho điểm 5 với những mối đe dọa có vùng ảnh hưởng rộng nhất, và giảm dần cho tới điểm 1 – tương ứng diện tích vùng bị ảnh hưởng bởi đe dọa là nhỏ nhất.

- Cường độ ảnh hưởng của mối đe dọa: Mức độ phá huỷ hay tính chất khốc liệt của mối đe dọa tới sinh cảnh. Cường độ mạnh, yếu của mối đe dọa sẽ tương ứng với sự phá huỷ hoàn toàn sinh cảnh hay chỉ là ảnh hưởng cục bộ tới một phần nhỏ nào đó. Tương ứng với đó, tiến hành cho điểm từ cao xuống thấp tùy thuộc cường độ tác động.

- Tính hiện trạng – tính cấp thiết của mối đe dọa: Liệu mối đe dọa có xảy ra và ảnh hưởng trong tương lai hay chỉ ảnh hưởng tới hiện tại. Tương tự, cũng cho điểm từ cao xuống thấp tương ứng với tính cấp thiết của mối đe dọa..

2.2.3.3. Đánh giá và mô tả cấu trúc rừng khu vực phân bố; đánh giá sinh cảnh khu vực phân bố

Tại các khu vực ghi nhận có sự phân bố của loài ở thực địa, tiến hành thu thập các thông tin về cấu trúc rừng, tổ thành các loài thực vật chủ yếu. Khu vực khảo sát, đánh giá phải đảm bảo đại diện cho các dạng sinh cảnh chính ghi nhận có sự phân bố của loài ở thực địa.

Bên cạnh việc xác định hiện trạng rừng tại các khu vực phân bố (ghi nhận có sự phân bố của loài), đồng thời tiến hành khảo sát và đánh giá vùng phân bố tiềm năng của loài, làm cơ sở xây dựng vành đai khu vực bảo tồn loài trong tương lai. Diện tích, phạm vi khu vực khảo sát vùng tiềm năng được xác định trong quá trình khảo sát thực tế.

2.2.4. Phương pháp tổng hợp và xử lý số liệu

Tổng hợp các thông tin và số liệu sẽ được phân tích, và xử lý dựa trên việc ứng dụng các phần mềm thông thường như Word, Excel, Mapinfo 15.0 Trong đó phần mềm MapInfo được sử dụng cho việc phân tích, xử lý bản đồ, thể hiện các sự phân bố các loài thú trên bản đồ số, phân bố các mối đe dọa trên các sinh cảnh; thiết lập hệ thống ô lưới cho bản đồ địa hình...

IV. KẾT QUẢ DỰ KIẾN

1. Đặc điểm và tình trạng loài Hươu xạ

Cập nhật thông tin về hiện trạng, đặc điểm loài Hươu xạ tại khu vực ban quản lý rừng đặc dụng Hữu Liên (số lượng cá thể của loài, cấu trúc quần thể, vị trí phân bố).

Bảng 01: Tình trạng và đặc điểm loài Hươu xạ được ghi nhận tại khu vực rừng đặc dụng Hữu Liên

TT	Tên việt nam	Tên khoa học	Số lượng bắt gặp	Tình trạng bảo tồn		
				NĐ 06	Sách đỏ VN 2007	IUCN 2016
	Hươu Xạ	<i>Moschusberezovski</i>		X	X	X

2. Phân bố loài Hươu xạ trong khu vực nghiên cứu

- Bản đồ phân bố loài Hươu xạ trong khu vực nghiên cứu
- Bản đồ tiềm năng các khu vực bảo tồn loài trong khu vực nghiên cứu;

Bảng 02: Phân bố loài Hươu xạ được ghi nhận tại khu vực rừng đặc dụng Hữu Liên

TT	Tên việt nam	Tên khoa học	Toạ độ bắt gặp	Ghi chú
...	...	...	...	...

- Phân tích, đánh giá sự phân bố của loài với dạng sinh cảnh tương ứng, mô tả cơ bản về sinh cảnh sống tương ứng.

3. Đánh giá các mối đe dọa chính tới việc bảo tồn loài trong khu vực

Trên cơ sở tổng hợp các dữ liệu được ghi nhận trong quá trình điều tra, tiến hành phân tích, đánh giá các mối đe dọa theo từng tiêu chí khác nhau, kết quả đánh giá được tổng hợp trong bảng dưới đây.

Bảng 03: Kết quả đánh giá các mối đe dọa

TT	Các mối đe dọa	Tiêu chí xếp hạng			Tổng	Xếp loại
		Diện tích	Cường độ	Tính cấp thiết		
1						
2						
3						
	...	...	...	...	...	...
Tổng						

4. Đề xuất các giải pháp bảo tồn trong thời gian tới

V. SẢN PHẨM GIAO NỘP

Stt	Tên sản phẩm	Số lượng
1	Báo cáo thuyết minh kết quả: “Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng và đưa ra các giải pháp bảo tồn loài Hươu xạ tại khu rừng đặc dụng Hữu Liên”.	05 bộ
2	Bản đồ hiện trạng phân bố loài Hươu xạ tại khu rừng đặc dụng Hữu Liên và Bản đồ phân vùng các khu vực có tiềm năng bảo tồn ĐDSH loài Hươu xạ tỉ lệ 1/25.000	05 bộ mỗi loại
3	Đĩa CD, USB lưu trữ toàn bộ dữ liệu và thông tin liên quan đến nhiệm vụ (báo cáo, bản đồ, các file tài liệu bao gồm ảnh chụp về loài Hươu xạ, dạng sinh cảnh...)	05 cái

VI. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Trên cơ sở Nội dung của Đề cương kỹ thuật xây dựng nhiệm vụ “Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng và đưa ra các giải pháp bảo tồn loài Hươu xạ tại khu rừng đặc dụng Hữu Liên” cùng các nội dung được xác định, việc kế hoạch thực hiện nhiệm vụ như sau:

- Tháng 03 - 05/2024: Xây dựng, trình duyệt đề cương nhiệm vụ dự toán.
- Tháng 05 - 06/2024: Lựa chọn đơn vị tư vấn.
- Tháng 06 - 11/2024: Điều tra, khảo sát ngoại nghiệp, nội nghiệp.
- Tháng 12/2024: Xây dựng báo cáo, trình, duyệt, bàn giao thành quả.
